

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS  
VIMC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số: 16 /TTr-HĐQT

No.: 16 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2025

Hà Nội, April 01, 2025

## TỜ TRÌNH

## PROPOSAL

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

*Re: Approval of 2024 audited financial statements*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần VIMC Logistics  
*To: 2025 Annual General Meeting of Shareholders of VIMC Logistics Joint Stock Company*

Căn cứ:

*Pursuant to:*

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- *Law on Enterprises no. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020*
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- *Law on Securities no. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;*
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- *Charter on the Organization and Operations of the Company;*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

*The Board of Directors respectfully submits to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders for consideration and approval of the audited financial statements for the year 2024.*

(Báo cáo tài chính năm 2024 đính kèm)

*(The audited financial statements for the year 2024 are attached)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

*The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

Nơi nhận: *vm*

*Recipients:*

- Như kính gửi;
- *As stated above;*
- Lưu: HĐQT, VT.
- *Archive at: BOD, Secretariat.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
O/B. THE BOARD OF DIRECTORS  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CHAIRMAN OF THE BOARD



*Mai Lê Lợi*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**

---

*Tháng 02 năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,  
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,  
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VIMC Logistics (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024

#### **Ban Tổng giám đốc**

Bà Đinh Thị Việt Hà	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2025
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2024

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hà Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024

#### **Kế toán trưởng**

Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng
------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS**

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,  
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đinh Thị Việt Hà**  
**Tổng Giám Đốc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025





Số: 97/2025/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần VIMC Logistics

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VIMC Logistics (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1395-2023-112-1



Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>164.800.586.261</b>	<b>89.717.142.407</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.293.825.286</b>	<b>13.649.104.395</b>
Tiền	111		17.293.825.286	13.649.104.395
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>35.000.000.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>94.210.723.233</b>	<b>63.879.987.908</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	72.483.568.552	56.405.839.310
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.053.019.892	532.732.936
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	33.640.283.226	20.537.497.046
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(12.966.148.437)	(13.596.081.384)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.296.037.742</b>	<b>12.188.050.104</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	245.527.512	358.316.852
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.017.350.776	11.630.573.798
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	33.159.454	199.159.454
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.972.726.023</b>	<b>98.069.764.583</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.061.700.000</b>	<b>10.053.700.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	10.061.700.000	10.053.700.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>11</b>	<b>40.948.698.263</b>	<b>45.708.374.648</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		40.948.698.263	45.708.374.648
- Nguyên giá	222		121.326.468.007	125.199.474.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.377.769.744)	(79.491.099.621)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>1.241.512.034</b>	<b>29.755.743.163</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.241.512.034	29.755.743.163
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>11.432.820.000</b>	<b>11.432.820.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.287.995.726</b>	<b>1.119.126.772</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.287.995.726	1.119.126.772
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>229.773.312.284</b>	<b>187.786.906.990</b>



**Mẫu số B01-DN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		52.444.286.717	38.982.989.919
Nợ ngắn hạn	310		52.444.286.717	38.982.989.919
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	37.386.312.095	27.867.361.654
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	49.000.000	386.917.729
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.464.687.173	96.882.861
Phải trả người lao động	314		2.175.876.101	285.347.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.349.609.567	171.640.618
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		96.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.922.801.781	10.171.441.510
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.398.247
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.329.025.567	148.803.917.071
Vốn chủ sở hữu	410	18	177.329.025.567	148.803.917.071
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
Cổ phiếu quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.693.185.321	19.693.185.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.014.540.246	(12.510.568.250)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.510.568.250)	(22.540.799.818)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.525.108.496	10.030.231.568
TỔNG NGUỒN VỐN	440		229.773.312.284	187.786.906.990

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

**Người lập biểu**

*Anga*

## Vũ Đoàn Tuyết Ngân

## Kế toán trưởng

*Four*

**Trần Thị Loan**

**Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

**Đinh Thị Việt Hà**

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	178.828.665.087	140.556.723.462
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		178.828.665.087	140.556.723.462
Giá vốn hàng bán	11	21	171.574.464.641	142.322.572.048
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.254.200.446	(1.765.848.586)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.912.513.209	2.196.105.826
Chi phí tài chính	22	23	107.454.981	148.290.791
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	100.849.179
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.878.841.742	5.386.008.795
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.180.416.932	(5.104.042.346)
Thu nhập khác	31	26	35.893.166.691	20.865.315.312
Chi phí khác	32	27	122.113.172	5.731.041.398
Lợi nhuận khác	40		35.771.053.519	15.134.273.914
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.951.470.451	10.030.231.568
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	9.426.361.955	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.525.108.496	10.030.231.568
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.014	708
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.014	708

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Việt Hà



Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>37.951.470.451</b>	<b>10.030.231.568</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.183.983.344	6.405.022.235
Các khoản dự phòng	03		(629.932.947)	1.228.287.967
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.542.611	(145.255.702)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(37.589.891.588)	(16.320.223.170)
Chi phí lãi vay	06		-	100.849.143
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.922.171.871</b>	<b>1.298.912.041</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09		(30.482.671.937)	2.032.344.331
Giảm hàng tồn kho	10			
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.795.542.934	(7.252.828.506)
(Tăng) chi phí trả trước	12		(56.079.614)	(409.044.056)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(130.457.921)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.800.000.000)	(58.187.600)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.398.247)	(715.901.365)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(25.624.434.993)</b>	<b>(5.235.163.076)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.424.306.959)	(6.333.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.174.264.579	10.043.528.963
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.249.817.478	1.918.680.049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>36.999.775.098</b>	<b>11.955.876.012</b>



Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	3.526.501.285
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(10.675.501.979)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.730.656.000)	(431.010.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.730.656.000)</b>	<b>(7.580.010.694)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>8.644.684.105</b>	<b>(859.297.758)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>13.649.104.395</b>	<b>14.506.238.174</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.786	2.163.979
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>22.293.825.286</b>	<b>13.649.104.395</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Việt Hà

**VIMC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**  
**AUDITED FINANCIAL STATEMENTS**  
**FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024**



---

*Hanoi, February 2025*

**TABLE OF CONTENTS**

<b>CONTENT</b>	<b><u>PAGE(S)</u></b>
STATEMENT OF BOARD OF GENERAL DIRECTORS	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4
BALANCE SHEET	5 - 6
INCOME STATEMENT	7
CASH FLOW STATEMENT	8 - 9
NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS	10 - 35



**VIMC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Room 806, Ocean Park Building, No. 1 Dao Duy Anh, Phuong Mai Ward, Dong Da District, Hanoi

**STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS**

The Board of General Director of VIMC Logistics Joint Stock Company (Hereinafter referred to as the "Company") presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31 December 2024.

**BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF GENERAL DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS****Board of Management**

Mr. Mai Le Loi	Chairman	
Mr. Nguyen Hong Thai	Member	
Mr. Nguyen Dinh Tu	Member	Dismissed on 15 April 2024
Mr. Tran Quang Toan	Member	
Mr. Nguyen Dang Song	Member	
Mr. Do Duc An	Member	
Ms. Duong Thu Hien	Member	Appointed on 15 April 2024

**Board of General Directors**

Ms. Dinh Thi Viet Ha	General Director	Appointed on 9 January 2025
Mr. Pham Ba Ngan	Deputy General Director	
Mr. Doan Ngoc Tu	Deputy General Director	Dismissed on 31 July 2024

**Supervisory Board**

Ms. Nguyen Thi Hong Dung	Head of the Board	Dismissed on 15 April 2024
Ms. Nguyen Thi Hang	Head of the Board	Appointed on 15 April 2024
Ms. Duong Thu Hien	Member	Dismissed on 15 April 2024
Ms. Do Lan Huong	Member	Dismissed on 15 April 2024
Ms. Nguyen Thi Ha Trang	Member	Appointed on 15 April 2024
Ms. Vu Lan Phuong	Member	Appointed on 15 April 2024

**Chief Accountant**

Ms. Tran Thi Loan	Chief Accountant
-------------------	------------------

**EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE**

The Board of General Directors confirms that there have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments to or disclosures to be made in the financial statements.

**THE AUDITOR**

The accompanying financial statements have been audited by UHY Auditing & Consulting Limited Company.

**BOARD OF GENERAL DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY**

The Board of General Directors of the Company is responsible for preparing the financial statements for the year ended 31 December 2024, which give a true and fair view of the financial position of the Company, its operating results and cash flows for the year.

**STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS (CONT'D)**

**BOARD OF GENERAL DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY (CONT'D)**

In preparing those financial statements, the Board of General Directors is required to:

- Select appropriate accounting policies and consistently apply;
- Provide reasonable and prudent judgments and estimations;
- State whether applicable accounting principles have been complied with, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement the effective internal control system in order to limit material misstatements due to fraud or errors in preparing and presenting the financial statements.

The Board of General Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing the financial statements.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting Systems and related legal regulations on the preparation and presentation of the financial statements. It is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

**OTHER COMMITMENTS**

The Board of General Directors commits that the Company does not violate its information to disclosure obligation as prescribed in Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry Finance regarding securities market disclosure, complying with the provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 issued by the Government, which details the implementation of a number of certain provisions of the securities law and Circular No. 116/2020/ TT-BTC dated 31 December 2020 issued by the Ministry of Finance, which provides guidelines on corporate governance applicable to public companies in Decree No. 155/2020/ND-CP.

For and on behalf of the Board of General Directors,



**Dinh Thi Viet Ha**

**General Director**

*Hanoi, 20 February 2025*



No: 97/2025/UHY-BCKT

**INDEPENDENT AUDITORS' REPORT**

**To: Shareholders; the Board of Management and Board of General Directors  
VIMC Logistics Joint Stock Company**

We have audited the accompanying financial statements of VIMC Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company"), which were prepared on 20 February 2025 as set out on pages 05 to 35, including the Balance sheet as at 31 December 2024, the income statements, the cash flows and the notes thereto for the year then ended.

**Responsibilities of the Board of General Directors**

The Board of General Directors of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and related legal regulations on the preparation and presentation of the financial statements and for such internal control as the Board of General Directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial statements that are free from material misstatements, whether due to fraud or error.

**Responsibilities of the Auditors**

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those Standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.


We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

**Auditor's Opinion**

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of VIMC Logistics Joint Stock Company as at 31 December 2024 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting standards, Vietnamese Corporate Accounting Systems and related legal regulations on the preparation and presentation of the financial statements.



**Pham Gia Dat**  
**Deputy General Director**  
Auditor's Practicing Certificate  
No.0798-2023-112-1  
*For and on behalf of*  
**UHY Auditing and Consulting Limited Company**  
*Hanoi, 20 February 2025*

  
**Nguyen Van Hai**  
**Auditor**  
Auditor's Practicing Certificate  
No. 1395-2023-112-1



**BALANCE SHEET**  
*As at 31 December 2024*

ASSETS	Code	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>164,800,586,261</b>	<b>89,717,142,407</b>
<b>Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22,293,825,286</b>	<b>13,649,104,395</b>
Cash	111		17,293,825,286	13,649,104,395
Cash equivalents	112		5,000,000,000	-
<b>Short-term financial investments</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>35,000,000,000</b>	-
Held-to-maturity investments	123		35,000,000,000	-
<b>Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>94,210,723,233</b>	<b>63,879,987,908</b>
Short-term trade receivables	131	7	72,483,568,552	56,405,839,310
Short-term advance to suppliers	132	8	1,053,019,892	532,732,936
Other short-term receivables	136	9	33,640,283,226	20,537,497,046
Provision for short-term bad debts	137	7	(12,966,148,437)	(13,596,081,384)
<b>Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>13,296,037,742</b>	<b>12,188,050,104</b>
Short-term prepaid expenses	151	5	245,527,512	358,316,852
Deductible VAT	152		13,017,350,776	11,630,573,798
Taxes and other receivables from the State Budget	153	17	33,159,454	199,159,454
<b>LONG-TERM ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>64,972,726,023</b>	<b>98,069,764,583</b>
<b>Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>10,061,700,000</b>	<b>10,053,700,000</b>
Other long-term receivables	216	9	10,061,700,000	10,053,700,000
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>40,948,698,263</b>	<b>45,708,374,648</b>
Tangible fixed assets	221	11	40,948,698,263	45,708,374,648
- Historical costs	222		121,326,468,007	125,199,474,269
- Accumulated depreciation	223		(80,377,769,744)	(79,491,099,621)
<b>Non-current assets in progress</b>	<b>240</b>		<b>1,241,512,034</b>	<b>29,755,743,163</b>
Construction in progress	242	12	1,241,512,034	29,755,743,163
<b>Long-term investments</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>11,432,820,000</b>	<b>11,432,820,000</b>
Investments in joint ventures and associates	252		11,432,820,000	11,432,820,000
Investments in equity of other entities	253		1,000,000,000	1,000,000,000
Provision for long-term financial investments	254		(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
<b>Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>1,287,995,726</b>	<b>1,119,126,772</b>
Long-term prepaid expenses	261	5	1,287,995,726	1,119,126,772
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>229,773,312,284</b>	<b>187,786,906,990</b>

Form No. B01-DN

**BALANCE SHEET (CONT'D)**  
*As at 31 December 2024*

RESOURCES	Code	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>52,444,286,717</b>	<b>38,982,989,919</b>
<b>Short-term liabilities</b>	<b>310</b>		<b>52,444,286,717</b>	<b>38,982,989,919</b>
Short-term trade payables	311	16	37,386,312,095	27,867,361,654
Short-term prepayments from customers	312	13	49,000,000	386,917,729
Taxes and other payables to the State	313	17	4,464,687,173	96,882,861
Payables to employees	314		2,175,876,101	285,347,300
Short-term accrued expenses	315	14	1,349,609,567	171,640,618
Short-term unrealized revenue	318		96,000,000	-
Other short-term payments	319	15	6,922,801,781	10,171,441,510
Bonus and welfare fund	322		-	3,398,247
<b>OWNER'S EQUITY</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>177,329,025,567</b>	<b>148,803,917,071</b>
<b>Owner's equity</b>	<b>410</b>		<b>177,329,025,567</b>	<b>148,803,917,071</b>
Contributed capital	411		142,121,300,000	142,121,300,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		142,121,300,000	142,121,300,000
Treasury shares	415		(500,000,000)	(500,000,000)
Development and investment funds	418		19,693,185,321	19,693,185,321
Undistributed profit after tax	421		16,014,540,246	(12,510,568,250)
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		(12,510,568,250)	(22,540,799,818)
- Undistributed profit after tax for the current	421b		28,525,108,496	10,030,231,568
<b>TOTAL RESOURCES</b>	<b>440</b>		<b>229,773,312,284</b>	<b>187,786,906,990</b>

Hanoi, 20 February 2024

Preparer

Chief Accountant

General Director



Vu Doan Tuyet Ngan



Tran Thi Loan



Dinh Thi Viet Ha



Form No. B02-DN

**INCOME STATEMENT**  
*For the fiscal year ended as at 31 December 2024*

ITEMS	Code	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
Gross sales of merchandise and services	01	20	178,828,665,087	140,556,723,462
Net sales of merchandise and services	10		178,828,665,087	140,556,723,462
Cost of goods sold	11	21	171,574,464,641	142,322,572,048
Gross profit from sales of merchandise and	20		7,254,200,446	(1,765,848,586)
Financial income	21	22	1,912,513,209	2,196,105,826
Financial expenses	22	23	107,454,981	148,290,791
- In which: Interest expense	23		-	100,849,179
General and administrative expenses	26	24	6,878,841,742	5,386,008,795
Net profits from operating activities	30		2,180,416,932	(5,104,042,346)
Other income	31	26	35,893,166,691	20,865,315,312
Other expenses	32	27	122,113,172	5,731,041,398
Profit from other activities	40		35,771,053,519	15,134,273,914
Net profit before tax	50		37,951,470,451	10,030,231,568
Current corporate income tax expense	51	28	9,426,361,955	-
Net profit after tax	60		28,525,108,496	10,030,231,568
Basic earnings per share	70	29	2,014	708
Diluted earnings per share	71		2,014	708

Hanoi, 20 February 2024

Preparer



Vu Doan Tuyet Ngan

Chief Accountant



Tran Thi Loan

General Director



Dinh Thi Viet Ha



Form No. B03-DN

**STATEMENT OF CASH FLOWS**  
(Indirect method)  
For the fiscal year ended as at 31 December 2024

ITEMS	Codes	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
<b>I. Cash flows from operating activities</b>				
Profit before tax	01		37,951,470,451	10,030,231,568
Adjustments for:				
Depreciation and amortization	02		6,183,983,344	6,405,022,235
Provisions	03		(629,932,947)	1,228,287,967
Gains, losses on exchange rate differences from revaluation of accounts derived from foreign currencies	04		6,542,611	(145,255,702)
Gains, losses on investing activities	05		(37,589,891,588)	(16,320,223,170)
Interest expense	06		-	100,849,143
<b>Operating profit before movements in working capital</b>	08		5,922,171,871	1,298,912,041
Increase, decrease in receivables	09		(30,482,671,937)	2,032,344,331
Increase, decrease in payables (exclusive of interest payables, enterprise income tax payables)	11		3,795,542,934	(7,252,828,506)
Increase, decrease in prepaid expenses	12		(56,079,614)	(409,044,056)
Interest expenses paid	14		-	(130,457,921)
Corporate income tax paid	15		(4,800,000,000)	(58,187,600)
Other payments on operating activities	17		(3,398,247)	(715,901,365)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	20		(25,624,434,993)	(5,235,163,076)
<b>II. Cash flows from investing activities</b>				
Acquisition of fixed assets and other long-term assets	21		(1,424,306,959)	(6,333,000)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		72,174,264,579	10,043,528,963
Loans and purchase of debt instruments from other entities	23		(40,000,000,000)	-
Collection of loans and repurchase of debt instruments of other entities	24		5,000,000,000	-
Receipts of loans given, dividends and profit shared	27		1,249,817,478	1,918,680,049
<b>Net cash flows from investing activities</b>	30		36,999,775,098	11,955,876,012
<b>III. Cash flows from financing activities</b>				
Receipts from loans	33		-	3,526,501,285
Payment for the principal	34		-	(10,675,501,979)
Dividends, profits paid to owners	36		(2,730,656,000)	(431,010,000)
<b>Net cash flows from financing activities</b>	40		(2,730,656,000)	(7,580,010,694)

Form No. B03-DN

**STATEMENT OF CASH FLOWS (CONT'D)**

*(Indirect method)*

*For the fiscal year ended 31 December 2024*

ITEMS	Codes	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
Net cash flows during the year	50		8,644,684,105	(859,297,758)
Opening balance of cash and cash equivalents	60	4	13,649,104,395	14,506,238,174
Impacts of exchange rate fluctuations	61		36,786	2,163,979
Closing balance of cash and cash equivalents	70	4	22,293,825,286	13,649,104,395

Hanoi, 20 February 2024

**Preparer**



**Vu Doan Tuyet Ngan**

**Chief Accountant**



**Tran Thi Loan**

**General Director**



**Dinh Thi Viet Ha**